

Số: 411 /TTr-UBND

Uông Bí, ngày 08 tháng 7 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XX - Kỳ họp thứ 18.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công”;

Căn cứ Kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy số 1532 - TB/TU ngày 26/6/2024 về một số nội dung trình Kỳ họp thứ 18 (Kỳ họp thường lệ) của Hội đồng nhân dân thành phố khóa XX, nhiệm kỳ 2021-2026;

Trên cơ sở kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2024, dự kiến nguồn vốn và nhu cầu của các đơn vị năm 2025 và được Ban Thường vụ Thành ủy đồng ý về nguyên tắc tại Kết luận số 1532 - TB/TU ngày 26/6/2024; UBND Thành phố báo cáo và kính trình HĐND Thành phố xem xét, phê duyệt dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025 như sau:

A. LÝ DO, SỰ CẦN THIẾT

Căn cứ Khoản 5 Điều 56 Luật Đầu tư công: Trước ngày 25 tháng 7 hằng năm, Ủy ban nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau; Trên cơ sở đánh giá tình hình triển khai kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm 2024, dự kiến nguồn vốn đầu tư công năm 2025 và lựa chọn danh mục công trình dự kiến khởi công năm 2025.

B. CĂN CỨ VÀ QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ nội dung quy định tại khoản 5 Điều 56 Luật Đầu tư công năm 2019: “5. Trước ngày 25 tháng 7 hằng năm, Ủy ban nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau.”

2. Quá trình triển khai thực hiện

- UBND Thành phố đã giao phòng Tài chính - Kế hoạch đã chủ trì phối hợp với các đơn vị được giao làm Chủ đầu tư đánh giá tình hình triển khai kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm 2024, dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025 và tham mưu báo cáo HĐND Thành phố tại Văn bản số 1563/UBND-

TCKH ngày 05/6/2024 về việc chuẩn bị nội dung phục vụ kỳ họp thường lệ HĐND Thành phố giữa năm 2024;

- Phòng Tài chính - Kế hoạch đã báo cáo và đề xuất dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025 tại Tờ trình số 163/TTr-TCKH ngày 18/6/2024; UBND Thành phố đã nghe và cho ý kiến tại Thông báo kết luận số 384/TB-UBND ngày 21/6/2024;

- UBND Thành phố đã báo cáo và đề xuất Thường trực Thành ủy dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025 tại Tờ trình số 365/TTr-UBND ngày 21/6/2024;

- UBND Thành phố đã báo cáo và đề xuất Ban Thường vụ Thành ủy dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025 tại Tờ trình số 378/TTr-UBND ngày 25/6/2024 và được Ban Thường vụ Thành ủy cho ý kiến tại Kết luận số 1532 - TB/TU ngày 26/6/2024.

C. NỘI DUNG DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

C.1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

I. Tình hình giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024

1. Kế hoạch vốn đầu tư công đầu năm 2024 theo Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh là **273,6 tỷ đồng**, trong đó ngân sách Tỉnh là 10 tỷ đồng, ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu là 76 tỷ đồng và ngân sách Thành phố là 187,6 tỷ đồng¹.

2. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 sau điều chỉnh theo Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 05/6/2024 của HĐND Thành phố và Quyết định số 3251/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 của UBND Thành phố là **325,045 tỷ đồng** trong đó ngân sách Tỉnh là 10 tỷ đồng, ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu là 76 tỷ đồng và ngân sách Thành phố là 239,045 tỷ đồng²;

3. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 dự kiến bổ sung thêm 18.300 nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho đầu tư (Ban Thường vụ Thành ủy cơ bản thống nhất về nguyên tắc phương án phân bổ kế hoạch vốn tại Thông báo kết luận số 1454 - TB/TU ngày 24/4/2024) là **343,345 tỷ đồng** trong đó:

(1) Ngân sách Tỉnh là 10 tỷ đồng;

(2) Ngân sách Thành phố là 333,345 tỷ đồng, bao gồm (i) Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất là 140 tỷ đồng, (2) Nguồn thu phí Yên Tử là 23 tỷ đồng, (3) Nguồn thu phí bảo vệ môi trường từ khai thác than là 24,6 tỷ đồng và (4) Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho đầu tư là 69,445 tỷ đồng ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu là 76 tỷ đồng.

II. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công đến hết

¹ Trong đó (1) Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất là 140 tỷ đồng, (2) Nguồn thu phí Yên Tử là 23 tỷ đồng và (3) Nguồn thu phí bảo vệ môi trường từ khai thác than là 24,6 tỷ đồng.

² Trong đó (1) Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất là 140 tỷ đồng, (2) Nguồn thu phí Yên Tử là 23 tỷ đồng, (3) Nguồn thu phí bảo vệ môi trường từ khai thác than là 24,6 tỷ đồng và (4) Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho đầu tư là 51,445 tỷ đồng.

ngày 30/6/2024 và ước thực hiện cả năm 2024

1. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2024

- Kết quả giải ngân kế hoạch đầu tư năm 2024 hết ngày 30/6/2024 là 147,585 tỷ đồng = 55% KH đầu năm (273,6 tỷ đồng) = 45,4% KH điều chỉnh (325,045 tỷ đồng), trong đó (1) NS Tỉnh là 0,746 tỷ đồng = 7,5% KH (10 tỷ đồng); (2) Ngân sách Thành phố là 146,839 tỷ đồng = 55,7% KH đầu năm (263,6 tỷ đồng) = 46,6% KH điều chỉnh (315,045 tỷ đồng);

- Ước kết quả giải ngân kế hoạch đầu tư năm 2024 đến 31/12/2024 là 317,345 tỷ đồng = 116% KH đầu năm (273,6 tỷ đồng) = 92,4% KH điều chỉnh (343,345 tỷ đồng), trong đó (1) NS Tỉnh là 10 tỷ đồng = 100% KH (10 tỷ đồng); (2) Ngân sách Thành phố là 307,345 tỷ đồng = 116,6% KH đầu năm (263,6 tỷ đồng) = 92,2% KH điều chỉnh (333,345 tỷ đồng);

- Dự kiến 26 tỷ đồng ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu thực hiện công trình Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Ưông Bí, thành phố Ưông Bí chưa thực hiện giải ngân; Lí do chưa giải ngân: (1) UBND Thành phố đã báo cáo và đề xuất UBND Tỉnh điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đã phân bổ đầu năm là 26 tỷ đồng tại báo cáo 377/BC-UBND ngày 14/5/2024; (2) UBND Thành phố được HĐND Tỉnh cho phép kéo dài kế hoạch vốn năm 2023 chuyển sang năm 2024 là 48,924 tỷ đồng³ do vậy cần thiết phải giải ngân hết kế hoạch vốn trên.

(Chi tiết theo phụ biểu số 01, 03 kèm theo)

2. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn kéo dài năm 2023 sang năm 2024 đến 30/6/2024 và ước thực hiện cả năm 2024

- UBND Thành phố được UBND Tỉnh kéo dài thời gian thực hiện kế hoạch vốn đầu tư ngân sách Tỉnh là **48,924 tỷ đồng** của dự án Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Ưông Bí, thành phố Ưông Bí tại Nghị quyết số 201/NQ-HĐND ngày 19/4/2024; đến hết ngày 30/6/2024 đã giải ngân là 6,831 tỷ đồng = 14% KH; Lí do: Trong 06 tháng đầu năm 2024, BQLDA đầu tư xây dựng đang thực hiện hoàn số dư tạm ứng (36,297 tỷ đồng) năm 2023 chuyển sang do vậy chưa có khối lượng hoàn thành để thực hiện thanh toán;

- Ước kết quả giải ngân kế hoạch vốn kéo dài năm 2023 sang năm 2024 đến 31/12/2024 là 48,924 tỷ đồng.

3. Đánh giá chung

3.1. Ưu điểm

- Công tác lãnh đạo được tập trung triển khai nhằm hoàn thành mục tiêu giải ngân đến 30/6/2024 tối thiểu là 50%KH, đến 30/9/2024 tối thiểu là 80%KH và đến 31/12/2022 giải ngân 100% kế hoạch vốn giao đầu năm; UBND Thành phố đã thành lập Tổ công tác đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu

³ Cụ thể tại Nghị quyết số 201/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của HĐND Tỉnh

tư công năm 2024 tại Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 và ban hành Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 21/02/2024 triển khai công tác đầu tư công năm 2024; định kỳ họp và ban hành các Thông báo kết luận và nhiều văn bản⁴ chỉ đạo trong đó phân công và giao nhiệm vụ cho các Chủ đầu tư gắn với tiến độ giải ngân và hoàn số dư tạm ứng đến từng dự án để triển khai thực hiện;

- Nguồn lực tập trung cho đầu tư, về cơ bản đã đảm bảo cho các nhiệm vụ chi, nhất là đối với các dự án quan trọng và động lực. Đến nay cơ bản các công trình đều không có nhu cầu bổ sung thêm vốn, mà tập trung giải ngân số vốn đã bố trí;

- Công tác triển khai hoàn thiện các thủ tục đầu tư để khởi công mới được tập trung triển khai thực hiện, công tác GPMB được đẩy nhanh tiến độ;

- Công tác xử lý nợ đọng XDCB, hoàn số dư tạm ứng từng bước được xử lý dứt điểm đáp ứng quy định và yêu cầu.

3.2. Tồn tại, hạn chế

- Một số khó khăn như vị trí đổ thải tiếp tục vướng mắc, công tác giải phóng mặt bằng, xử lý tài sản công các dự án còn chậm chưa được tháo gỡ kịp thời; tình hình thu chi ngân sách có nhiều khó khăn do thị trường bất động sản trầm lắng...

- Công tác lập, thẩm định phê duyệt dự án chậm; công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện còn lúng túng, bị động dẫn đến việc hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu, nghiệm thu thanh quyết toán chậm.

4. Một số nguyên nhân chính

4.1. Nguyên nhân khách quan:

- Các dự án đã được thanh toán, tạm ứng tối đa trong năm 2023, do đó trong các tháng đầu năm chủ yếu thi công để hoàn trả khối lượng đã tạm ứng;

- Vị trí đổ thải đến nay vẫn tiếp tục vướng mắc cần tháo gỡ; một số dự án lớn có khối lượng đất đổ thải lớn không đảm bảo như (1) Xử lý sạt lở mái ta luy dương đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí; (2) Xử lý điểm sạt trượt tuyến đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí;

- Công tác đấu giá, đấu thầu quyền sử dụng đất gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng tới nguồn thu NSDP đầu năm; đến nay nguồn thu dành cho đầu tư chỉ được gần 60 tỷ đồng = 42% KH (140 tỷ đồng) nên chưa có nguồn vốn để thực hiện giải ngân.

⁴ Trong đó VB số 209/UBND-TCKH ngày 19/01/2024 phân công và giao nhiệm vụ cho các Chủ đầu tư; VB số 506/UBND-TCKH ngày 25/02/2024 thực hiện Thông báo kết luận số 28/TB-VP.UBND ngày 21/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp về tiến độ thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự án khởi công mới giai đoạn 2024-2025, dự kiến danh mục các dự án triển khai giai đoạn 2026-2030, VB số 668/UBND-TCKH ngày 12/3/2023 tăng cường công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, quản lý vốn đầu tư công, chi phí QLDA, ...

4.2. Nguyên nhân chủ quan:

- Việc triển khai công tác lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, chuẩn bị đầu tư, triển khai các thủ tục thanh, quyết toán của các chủ đầu tư còn hạn chế; không đáp ứng thời gian, một số công trình⁵ chưa đủ thủ tục, chưa đủ điều kiện phân bổ vốn, dẫn đến việc chậm phân khai vốn trong kế hoạch đầu tư, cũng như triển khai thực hiện dự án;

- Công tác phối hợp xử lý các khó khăn, vướng mắc giữa các Chủ đầu tư với các Sở, ngành, đơn vị còn thiếu chặt chẽ dẫn tới công tác hoàn thiện hồ sơ để trình phê duyệt quyết toán mất nhiều thời gian thực hiện; công tác nghiệm thu đưa vào sử dụng còn vướng mắc liên quan đến quy định PCCC, chưa thể bàn giao hoàn thành hạ tầng kỹ thuật đưa vào sử dụng.

5. Giải pháp thực hiện trong những tháng tiếp theo

- Tiếp tục đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các Chủ đầu tư trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc giải ngân vốn đầu tư công; chịu trách nhiệm giải trình về kết quả giải ngân cũng như hiệu quả đầu tư;

- Tiếp tục rà soát các khó khăn vướng mắc do các quy định hiện hành đề kiến nghị với cấp có thẩm quyền sớm xem xét điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế triển khai thực hiện, đặc biệt là về giải quyết các thủ tục vị trí đỗ thải;

- Bảo đảm tiến độ thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí theo yêu cầu.

C.2. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

I. Mục tiêu, yêu cầu lập kế hoạch

Việc lập kế hoạch đầu tư công năm 2025 phải đảm bảo các yêu cầu sau:

(1) Lập kế hoạch đầu tư công năm 2025 phải thực hiện theo đúng các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách Nhà nước, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2024.

(2) Việc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công năm 2025 phải thực hiện đúng thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị Quyết số 303/2020/NQ-HĐND ngày 9/12/2020, Nghị quyết 46/NQ-HĐND ngày 13/11/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển; nguyên tắc, tiêu

⁵ Cụ thể là (1) Chính trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí, (2) Chính trang tuyến phố Hoàng Quốc Việt đoạn từ cầu Trung Đoàn đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí, (3) Xử lý điểm sạt trượt tuyến đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, (4) Nâng cấp, mở rộng đường Yên Trung, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (đoạn từ Quốc lộ 18 đến Công ty Kho vận Đá Bạc - VINACOMIN) và (5) Xử lý sạt lở mái ta luy dương đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân - đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí.

chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và các văn bản pháp luật có liên quan.

(3) Ưu tiên bố trí vốn cho các chương trình, dự án phát triển hạ tầng quan trọng; Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân trong năm 2025.

(4) Phân đầu giảm thời gian thực hiện và bố trí vốn các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C so với thời gian tối đa được phép quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, sớm đưa công trình vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

II. Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025

1. Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư năm 2025 là 150 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất là 100 tỷ đồng;
- Nguồn thu phí tham quan Yên Tử là 25 tỷ đồng;
- Nguồn thu phí BVMT đối với hoạt động KT than là 25 tỷ đồng.

2. Nguyên tắc phân bổ

- Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế giải ngân vốn đến hết năm 2024 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao cho dự án trừ đi số vốn đã giải ngân các năm 2021, 2022, 2023 và năm 2024 (bao gồm số vốn được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024);

- Mức vốn bố trí cho từng dự án phải **phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2025**. Phân bổ vốn đầu tư tập trung, không phân tán, dàn trải và phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư trong kế hoạch tài chính và tiến độ triển khai thực hiện, giải ngân của từng dự án trong năm 2025;

- Các dự án khởi công mới là các dự án thực sự cần thiết để phát triển kinh tế xã hội, chỉnh trang đô thị.

3. Dự kiến danh mục dự án và bố trí kế hoạch vốn năm 2024: tổng số 150 tỷ đồng cho 40 công trình

- **Công trình hoàn thành** bố trí kế hoạch vốn là **10 tỷ đồng (7% tổng kế hoạch vốn)** cho 05 công trình;

- **Công trình chuyển tiếp** bố trí kế hoạch vốn là **77 tỷ đồng (51% tổng kế hoạch vốn)** cho 31 công trình;

- **Công trình khởi công mới năm 2025** bố trí kế hoạch vốn là **59 tỷ đồng (39% tổng kế hoạch vốn)** cho 04 công trình có tổng mức đầu tư là 370,894 tỷ đồng, cụ thể:

(1) Công đường Yên Tử phường Phương Đông, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 25 tỷ đồng; kế hoạch vốn bố trí là 14 tỷ đồng;

(2) Lắp dựng khung chữ "Yên Tử" tại phường Phương Đông, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 2,5 tỷ đồng; kế hoạch vốn bố trí là 2 tỷ đồng;

(3) Cải tạo, nâng cấp Đập tràn cầu Sông Sinh 1 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí có tổng mức đầu tư là 58 tỷ đồng; kế hoạch vốn bố trí là 15 tỷ đồng;

(4) Đầu tư xây dựng đường QH11 phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (đoạn nối đường Yên Trung - đường Yên Tử) có tổng mức đầu tư là 285,394 tỷ đồng; kế hoạch vốn bố trí là 28 tỷ đồng;

- **Vốn chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch bố trí kế hoạch vốn là 4 tỷ đồng (3% tổng kế hoạch vốn);**

(Chi tiết có phụ biểu số 02, 04, 05 kèm theo)

UBND Thành phố báo cáo và kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt để UBND Thành phố thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban KT HĐND TP;
- Các Đại biểu HĐND TP khóa XX;
- CT các PCT UBND TP (b/c);
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Hòa

ƯỚC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2024 ĐẾN 31/12/2024
(Kèm theo Phụ biểu số 31-HCTP UBND ngày 08/7/2024 của UBND thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 dự kiến điều chỉnh								Ước thực hiện Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 đến 31/12/2024										Chi chủ
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó				TỔNG SỐ	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Trong đó				TỔNG SỐ	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Trong đó				
									Phi Yên Tử	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	Tiền sử dụng đất				Phi Yên Tử	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	Tiền sử dụng đất				Phi Yên Tử	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	Tiền sử dụng đất	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
TỔNG CỘNG																											
A	CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH	93						1.610.986	343.345	10.000	333.345	140.000	23.000	24.600	69.745	76.000	317.345	10.000	307.345	140.000	23.000	24.600	69.745	76.000			
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	9						225.632	14.089		14.089	3.463			10.626		14.089		14.089	3.463			10.626				
I	Trường Tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (mở rộng)	8						223.172	13.823		13.823	3.463			10.360		13.823		13.823	3.463			10.360				
1	Nâng cấp và hệ thống giao thông, rãnh thoát nước khu 4 phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	7946727	799	072	10834	13/12/2021	4.000	133		133	133.358					133		133	133.358							
2	Nâng cấp và hệ thống giao thông, rãnh thoát nước khu 4 phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	7946724	799	292	10840	13/12/2021	3.821	48		48	48.239					48		48	48.239							
3	Nâng cấp đường bê tông, rãnh thoát nước khu Hợp Thành, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7954757	799	292	1363	16/3/2022	3.688	250		250	250					250		250	250							
4	Chỉnh trang tuyến đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố đến ngã tư Trần Phú, thành phố Uông Bí	1	7968489	799	312	4373	20/6/2022	14.999	1.700		1.700	1.700					1.700		1.700	1.700							
5	Hầm chui dân sinh qua tuyến đường sắt Yên Viên - Hà Long tại Km 77+362, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7972532	799	292	4372	20/6/2022	5.500	624		624	624.013					624		624	624.013							
6	Đầu nối hạ tầng giao thông phía Nam dự án Khu dân cư đô thị Công Thành đoạn cuối tuyến đường đối của dự án với khu dân cư hiện trạng và thềm asphalt khu dân cư hiện trạng	1	7810984	799	312	8858	30/10/2019	10.000	2.018		2.018	2.018					2.018		2.018	2.018							
7	Nâng cấp, cải tạo trung tâm tổ chức hội nghị thành phố Uông Bí	1	7855957	799	341	7453a	26/10/2019	9.000	896		896						896		896								
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Đắc Đồ Yên Tử đoạn Km 0+000 đến Km 3+100, thành phố Uông Bí	1	7747075	799	292	7042	31/10/2018	172.164	8.153		8.153	707.662					8.153		8.153	707.662							
I	UBND phường Phương Đông	1						2.460	266		266				266		266		266				266				
I	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ QL18A đến nhà ông Hương tổ 3, khu Tân Lập, phường Phương Đông	1	7171188	760	292	6022	14/9/2022	2.460	266		266				265.968		266		266				265.968				
B	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP NĂM 2023	25						985.157	151.037	10.000	141.037	24.637	6.000	16.700	17.700	76.000	125.037	10.000	115.037	24.637	6.000	16.700	17.700	76.000			
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	24						568.187	141.037		141.037	24.637	6.000	16.700	17.700	76.000	115.037		115.037	24.637	6.000	16.700	17.700	76.000			
1	Đường giao thông đoạn từ quốc lộ 10 đến chợ Công khu Hiệp An 2 phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7969459	799	292	4371	20/6/2022	25.000	1.000		1.000	1.000					1.000		1.000	1.000							
2	Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí	1	7918403	799	292	10903	13/12/2021	289.758	56.000		56.000						56.000		56.000								
3	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Uông Bí, thành phố Uông Bí	1	7998646	799	074	7643, 4096	30/11/2022, 10/8/2023	116.855	26.000		26.000						26.000				6.000			50.000			

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 dự kiến điều chỉnh										Ước thực hiện Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 đến 31/12/2024										Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Trong đó					Tiến sử dụng đất	Phi Yên Tử	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Tiến sử dụng đất	Phi Yên Tử	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	Trong đó	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt		Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 dự kiến điều chỉnh										Ước thực hiện Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 đến 31/12/2024						Ghi chú	
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Ngân sách Thành phố	Tiến sử dụng đất	Trong đó				Tổng số	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Tiến sử dụng đất	Trong đó						
											Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Phi Yên Tử	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than					Phi Yên Tử	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Phi Yên Tử	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu		
A	B	C	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
23	Rãnh thoát nước ở 7 khu 2, phường Vãng Danh	I	8053001	799	312	5069	10/10/2023	1.147	385	1.000	10.000	168.418	0	139.468	0	139.468	105.100	14.000	105.100	14.000	14.000	7.900	41.418		
24	Mương thoát nước khu 5A, phường Vãng Danh	I	8053002	799	312	5133	12/10/2023	2.676	1.000	1.000	10.000	168.418	0	139.468	0	139.468	105.100	14.000	105.100	14.000	14.000	7.900	12.468		
II	Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố	I						416.970	10.000		10.000	168.418	0	139.468	0	139.468	105.100	14.000	105.100	14.000	14.000	7.900	41.418		
I	Bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hà Long - Hải phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn I)	I	7918346	799	292	2305T	14/7/2021	416.970	10.000		10.000	168.418	0	139.468	0	139.468	105.100	14.000	105.100	14.000	14.000	7.900	41.418		
	CÔNG TRÌNH KHƠI CÔNG NĂM 2024	46						375.900	168.418		168.418	375.900	0	139.468	0	139.468	105.100	14.000	105.100	14.000	14.000	7.900	41.418		
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	14						375.900	168.418		168.418	375.900	0	139.468	0	139.468	105.100	14.000	105.100	14.000	14.000	7.900	41.418		
1	Chính trang tuyến phố Hoàng Quốc Việt đoạn từ cầu Trung Đoàn đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	I	8052996	799	312	5131	12/10/2023	65.000	50.000		50.000	168.418	0	139.468	0	139.468	105.100	14.000	105.100	14.000	14.000	7.900	41.418		
2	Xử lý điểm sụt trượt tuyến đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	I	8019578	799	312	851	14/3/2023	9.000	7.000		7.000	168.418	0	139.468	0	139.468	105.100	14.000	105.100	14.000	14.000	7.900	41.418		
3	Sửa chữa kẻ sọc Vãng Danh đoạn từ cầu Miếu Thán 2 đến cầu Khe Mai, phường Vãng Danh	I	8066427	799	312	7113	11/12/2023	920	900		900	168.418	0	139.468	0	139.468	105.100	14.000	105.100	14.000	14.000	7.900	41.418		
4	Chính trang để thi tại khu vực đối Dinh Viên thuộc khu 4, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	I	8066428	799	312	7236	12/12/2023	3.719	3.000		3.000	168.418	0	139.468	0	139.468	105.100	14.000	105.100	14.000	14.000	7.900	41.418		
5	Sửa chữa, xây dựng một số công trình tại các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập trên địa bàn thành phố Uông Bí	I	8066429	799	071	7239	12/12/2023	12.662	10.000		10.000	168.418	0	139.468	0	139.468	105.100	14.000	105.100	14.000	14.000	7.900	41.418		
6	Chính trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	I	8052997	799	312	7225	12/12/2023	60.000	42.100		42.100	168.418	0	139.468	0	139.468	105.100	14.000	105.100	14.000	14.000	7.900	41.418		
7	Xử lý sát lộ mại tại luy đường đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vãng Danh, thành phố Uông Bí	I	8066430	799	312	7317	14/12/2023	10.424	6.000		6.000	168.418	0	139.468	0	139.468	105.100	14.000	105.100	14.000	14.000	7.900	41.418		
8	Trường Mầm non Phương Nam, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	I	8066426	799	071	7219	12/12/2023	14.600	6.000		6.000	168.418	0	139.468	0	139.468	105.100	14.000	105.100	14.000	14.000	7.900	41.418		
9	Xây dựng nhà bia Liệt sỹ, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	I	8088199	799	371	2477	24/4/2024	11.000	4.968		4.968	168.418	0	139.468	0	139.468	105.100	14.000	105.100	14.000	14.000	7.900	41.418		
10	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 18A cũ đoạn từ cầu Đe Nâu đến ngã tư đường Yên Tử, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	I	8093284	799	292			5.000	1.500		1.500	168.418	0	139.468	0	139.468	105.100	14.000	105.100	14.000	14.000	7.900	41.418		
11	Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Tru sở HĐND&UBND thành phố Uông Bí	I	8085923	799	341	3306	14/6/2024	146.975	1.000		1.000	168.418	0	139.468	0	139.468	105.100	14.000	105.100	14.000	14.000	7.900	41.418		
12	Tuyến đường giao thông dẫn vào Tru sở Doanh trại Ban chỉ huy quân sự Thành phố	I	8093285	799	292			13.000	2.000		2.000	168.418	0	139.468	0	139.468	105.100	14.000	105.100	14.000	14.000	7.900	41.418		

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 dự kiến điều chỉnh										Ước thực hiện Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 đến 31/12/2024										Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Tiến sử dụng đất	Phí Yên Tử	Phí Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Nguồn	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	Tổng số	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Tiến sử dụng đất	Phí Yên Tử	Phí Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Nguồn	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu					
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23				
13	Cải tạo trường Trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ, thành phố Uông Bí	1	8091286	799	074			10.100	2.000			2.000					2.000	2.000	2.000										
14	Chỉnh trang đường giao thông phía Nam hồ Công Viên du lịch Thanh Sơn đến phố Xuân Diệu, thành phố Uông Bí	1	8095184	799	312			13.500	3.000			3.000					3.000	3.000	3.000										
II	Hỗ trợ UBND các xã, phường thực hiện	32							28.950	28.950							28.950	28.950	28.950										
D	VON CHUAN BI DAU TU, NHIEM VU QUY HOACH	13						24.297	9.800	9.800		3.000					9.800	0	9.800	6.800	3.000	0	0	0	0				
1	Cải tạo, chỉnh trang cũ đồng hồ phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	8053003	799	312	4462	31/8/2023	670	300	300		300					300	300	300										
2	Chỉnh trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	1	8052997	799	312	78	09/01/2023	500	100	100		100					100	100	100										
3	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu H thành phố Uông Bí	1	8059967	799	332	2536	17/8/2023	5.878	1.600	1.600		1.600					1.600	1.600	1.600										
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Tru sở HND&UBND thành phố Uông Bí	1	8059966	799	332	3087	16/6/2023	525	300	300		300					300	300	300										
5	Quy hoạch nút giao giữa đường QL10 - Đường Yên Sơn - Đường Yên Tử kéo dài phường phường Nam, thành phố Uông Bí	1	8054076	799	332	3614	07/7/2023	1.107	600	600		600					600	700	700										
6	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè, cây xanh hệ thống hạ tầng kỹ thuật dọc hai bên tuyến Quốc lộ 18A đoạn qua địa bàn TP Uông Bí (từ Km 74+100 đến Km 87)	1	8054077	799	332	3587	06/7/2023	3.653	1.500	1.500		1.500					1.500	1.500	1.500										
7	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cải tạo, chỉnh trang hệ thống vườn hoa, cây xanh khu vực trung tâm và tại các vị trí cửa ngõ Thành phố	1	8059069	799	332	5299	20/10/2023	793	400	400		400					400	400	400										
8	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị phường Vãng Danh thành phố Uông Bí (Phần khu B) tại phường Vãng Danh, thành phố Uông Bí	1		619	332	3308	14/6/2024	4.964	2.000	2.000		2.000					2.000	2.000	2.000										
9	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực Bắc Sơn, thành phố Uông Bí (phần khu J)	1		619	332	3309	14/6/2024	1.608	600	600		600					600	600	600										
10	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Triều Khu G1 thuộc Phần khu C tại phường Phường Nam, thành phố Uông Bí	1		619	332	3310	14/6/2024	946	370	370		370					370	370	370										
11	Điều chỉnh các bộ và lập thiết kế đô thị Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Trung tâm thành phố, tại phường Quang Trung và phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1		619	332	2289	08/4/2024	2.700	1.300	1.300		1.300					1.300	1.300	1.300										
12	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư tại khu 6, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1		619	332	1216	01/4/2024	545	400	400		400					400	400	400										
13	Tổng mặt bằng Quy hoạch đầu tư xây dựng dự án: Nâng cấp cải tạo trường mầm non Bắc Sơn tại phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1		619	332	2209	02/4/2024	408	330	330		330					330	330	330										

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2025
(Kèm theo Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 08/7/2024 của UBND thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Triệu đồng																						
STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt				Kết cấu nguồn vốn				Lấy kế thực hiện đến 31/12/2024				Dự kiến Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025				Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trọng số	NS Tỉnh	NS Thành phố	Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Tiền sử dụng đất	Phi Yên Tử	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than			
														NS Tỉnh	NS Thành phố							
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18		
TỔNG CỘNG																						
A	CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN LOẠI KHỎI KH ĐẦU TƯ NĂM 2025	69						2.053.582	2.021.103	646.970	1.374.133	1.219.853	1.219.853	382.990	836.862	150.000	100.000	25.000	25.000			
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	29						315.434	315.434	100.000	215.434	200.821	200.821		200.821							
1	Trường Tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (mở rộng)	1	7946727	799	072	10834	13/12/2021	4.000	4.000			3.883	3.883		3.883					Đã PDQT		
2	Nâng cấp vỉa hè, đường giao thông, rãnh thoát nước khu 4 phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	7946724	799	292	10840	13/12/2021	3.821	3.821			3.548	3.548		3.548					Đã PDQT		
3	Nâng cấp đường bê tông, rãnh thoát nước khu Hợp Thành, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7954757	799	292	1363	16/3/2022	3.688	3.688			3.500	3.500		3.500					Dự kiến PDQT		
4	Chỉnh trang tuyến đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố đến ngã tư Trần Phú, thành phố Uông Bí	1	7968489	799	312	4373	20/6/2022	14.999	14.999			14.200	14.200		14.200					Dự kiến PDQT		
5	Hầm chui dân sinh qua tuyến đường sắt Yên Viên - Hà Long tại Km 77+362, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7972532	799	292	4372	20/6/2022	5.500	5.500			5.324	5.324		5.324					Đã PDQT		
6	Đầu nối hạ tầng giao thông phía Nam dự án Khu dân cư đô thị Công Thành đoạn cuối tuyến đường đôi của dự án với khu dân cư hiện trạng và thảm asphan khu dân cư hiện trạng	1	7810984	799	312	8858	30/10/2019	10.000	10.000			6.018	6.018		6.018					Đã PDQT		
7	Nâng cấp, cải tạo trung tâm tổ chức hội nghị thành phố Uông Bí	1	7855957	799	341	7453a	26/10/2019	9.000	9.000			8.687	8.687		8.687					Đã PDQT		
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Dốc đỏ Yên Từ đoạn Km 0+000 đến Km 3+100, thành phố Uông Bí	1	7747075	799	292	7042	31/10/2018	172.164	172.164	100.000	72.164	72.036	72.036		72.036					Đã PDQT		
9	Đường giao thông đoạn từ quốc lộ 10 đến chợ Công khu Hiệp An 2 phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7969459	799	292	4371	20/6/2022	25.000	25.000			22.300	22.300		22.300					Dự kiến PDQT		
10	Kê đá khu 1 (giáp vườn hoa đầu cầu Lán Tháp), phường Vạng Danh, thành phố Uông Bí	1	8016383	799	312	581	23/02/2023	1.038	1.038			987	987		987					Đã PDQT		

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn				Lấy kế thực hiện đến 31/12/2024				Dự kiến Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025				Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổ chức đầu tư	Tổ công	Trong đó		Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Tiền sử dụng đất	Phi Yên Tử	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than		
										NS Tỉnh	NS Thành phố			NS Tỉnh	NS Thành phố						
A	B	C	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
11	Tuyến kè và mương thoát nước thuộc thôn Táp Đoàn, xã Thương Yên Công, thành phố Uông Bí	1	8019575	799	312	850	14/3/2023	2.866	2.866		2.866	2.495	2.495		2.495					Đã PDQT	
12	Cải tạo nâng cấp vỉa hè đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cầu Trắng đến cầu Chui, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	8019573	799	312	858	14/3/2023	2.815	2.815		2.815	2.768	2.768		2.768					Đã PDQT	
13	Hệ thống điện chiếu sáng liên khu 6, khu 8, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	8019574	799	312	856	14/3/2023	982	982		982	913	913		913					Đã PDQT	
14	Hệ thống điện chiếu sáng hai bên đường liên huyện Uông Bí – Hoành Bồ phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	8019692	799	312	857	14/3/2023	552	552		552	510	510		510					Đã PDQT	
15	Chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp đường giao thông, hệ thống thoát nước từ 32, 33 khu 9 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	8036363	799	312	3537	05/7/2023	4.943	4.943		4.943	4.500	4.500		4.500					Dư kiến PDQT	
16	Nâng cấp, cải tạo Nhà bia, Đài tưởng niệm Liệt sỹ phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	8036365	799	371	3586	06/7/2023	1.594	1.594		1.594	1.500	1.500		1.500					Dư kiến PDQT	
17	Tuyến đường từ Quốc lộ 18 cũ vào Trường tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	8036366	799	292	3799	20/7/2023	7.607	7.607		7.607	6.700	6.700		6.700					Dư kiến PDQT	
18	Trường tiểu học Trần Hưng Đạo, phường Thanh Sơn	1	8052993	799	071	5209	17/10/2023	7.884	7.884		7.884	7.100	7.100		7.100					Dư kiến PDQT	
19	Cải tạo, nâng cấp Nhà hát khu vực Miền Tây tỉnh Quảng Ninh	1	8035845	799	161	6213	06/11/2023	14.417	14.417		14.417	13.600	13.600		13.600					Dư kiến PDQT	
20	Nhà văn hóa khu 2, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	8052994	799	161	5117	12/10/2023	2.801	2.801		2.801	2.600	2.600		2.600					Dư kiến PDQT	
21	Kè chống sạt lở đoạn bờ suối khu 8, Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	8052995	799	312	5189	16/10/2023	10.094	10.094		10.094	8.500	8.500		8.500					Dư kiến PDQT	
22	Tuyến đường nội đồng của ông Bầu thôn Năm Mấu 1, xã Thương Yên Công	1	8053025	799	292	4514	12/9/2023	1.058	1.058		1.058	1.000	1.000		1.000					Dư kiến PDQT	
23	Tuyến đường xóm ông Phương thôn Năm Mấu 2, xã Thương Yên Công	1	8052998	799	292	5041	09/10/2023	347	347		347	300	300		300					Dư kiến PDQT	
24	Tuyến đường nội đồng Một Mấu, thôn Táp Đoàn, xã Thương Yên Công	1	8052999	799	292	5042	09/10/2023	648	648		648	600	600		600					Dư kiến PDQT	
25	Tuyến mương của ông Mai thôn Khe Sủ 2, xã Thương Yên Công	1	8053000	799	312	5068	10/10/2023	414	414		414	400	400		400					Dư kiến PDQT	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt		Kết cấu nguồn vốn			Lấy kế thực hiện đến 31/12/2024				Dự kiến Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025				Ghi chú	
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng công	Trong đó		Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Tiền sử dụng đất	Trong đó		
										NS Tỉnh	NS Thành phố			NS Tỉnh	NS Thành phố			NS Tỉnh		NS Thành phố
A	B	C	1	2	3	4		7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
26	Rãnh thoát nước tổ 7 khu 2, phường Vãng Danh	1	8053001	799	312	5069	10/10/2023	1.147		1.147	1.085	1.085		1.085					Dự kiến PDQT	
27	Mương thoát nước khu 5A, phường Vãng Danh	1	8053002	799	312	5133	12/10/2023	2.676		2.676	2.500	2.500		2.500					Dự kiến PDQT	
28	Sửa chữa kẻ suối Vãng Danh đoạn từ cầu Miếu Thán 2 đến cầu Khe Mai, phường Vãng Danh	1	8066427	799	312	7113	11/12/2023	920		920	900	900		900	0					
II	UBND phường Phương Đông	1						2.460		2.460	2.366	2.366		2.366						
I	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ QL18A đến nhà ông Hương tổ 3, khu Tân Lập, phường Phương Đông	1	7171188	760	292	6022	14/9/2022	2.460		2.460	2.366	2.366		2.366						
III	Hỗ trợ UBND các xã, phường thực hiện	19						22.752			12.150	12.150		12.150					Ba PDQT	
B	CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH	5						89.073	0	89.073	73.782	73.782		73.782	10.000	10.000			PB4	
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	5						89.073	0	89.073	73.782	73.782		73.782	10.000	10.000				
1	Chính trang tuyến đường Lưng Xanh đoạn từ ngã tư Trần Phú đến dốc Lưng Xanh, thành phố Uông Bí	1	8035243	799	312	810	10/3/2023	49.767		49.767	42.482	42.482		42.482	4.500	4.500				
2	Chính trang phố Hòa Bình đoạn từ đường Trần Nhân Tông đến QL 18A, TP Uông Bí	1	8053005	799	312	5210	17/10/2023	9.360		9.360	6.700	6.700		6.700	2.000	2.000				
3	Chính trang đường Phú Thanh Tây đoạn từ QL 18 đến Nhà văn hóa phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	8053004	799	312	5231	18/10/2023	13.565		13.565	11.600	11.600		11.600	1.000	1.000				
4	Chính trang đô thị tại khu vực đối Đỉnh Viên thuộc khu 4, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	8066428	799	312	7236	12/12/2023	3.719		3.719	3.000	3.000		3.000	500	500				
5	Sửa chữa, xây dựng một số công trình tại các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập trên địa bàn thành phố Uông Bí	1	8066429	799	071	7239	12/12/2023	12.662		12.662	10.000	10.000		10.000	2.000	2.000				
C	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP NĂM 2023	31						1.278.181	546.970	698.732	945.250	945.250	382.990	562.260	77.000	63.000	4.000	10.000		
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	17						828.732	130.000	698.732	545.460	545.460		545.460	67.000	53.000	4.000	10.000		
1	Tuyến đường Yên Từ kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí	1	7918403	799	292	10903	13/12/2021	289.758	130.000	159.758	262.768	262.768		262.768	1.000	1.000				
2	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Uông Bí, thành phố Uông Bí	1	7998646	799	074	7643; 4096	30/11/2022; 10/8/2023	116.855		116.855	88.924	88.924		88.924	500	500				

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn				Lấy kế thực hiện đến 31/12/2024				Dự kiến Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025				Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	NS Tỉnh	NS Thành phố	Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Tiền sử dụng đất	Phi Yên Tử	Trong đó			
													NS Tỉnh	NS Thành phố				NS Tỉnh	NS Thành phố	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18		
3	Chỉnh trang tuyến phố Hoàng Quốc Việt đoạn từ cầu Trung Đoàn đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	1	8052996	799	312	5131	12/10/2023	65.000		65.000	50.400	50.400		50.400	5.000	5.000					
4	Xử lý điểm sạt trượt tuyến đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	8019578	799	312	851	14/3/2023	9.000		9.000	7.400	7.400		7.400	1.000	1.000					
5	Chỉnh trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	1	8052997	799	312	7225	12/12/2023	60.000		60.000	42.500	42.500		42.500	5.000	5.000					
6	Xử lý sạt lở mái taluy đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vãng Danh, thành phố Uông Bí	1	8066430	799	312	7317	14/12/2023	10.424		10.424	6.000	6.000		6.000	1.000	1.000	2.000				
7	Trương Mắm non Phương Nam, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	8066426	799	071	7219	12/12/2023	14.600		14.600	6.000	6.000		6.000	3.000	3.000					
8	Xây dựng nhà bia Liệt sỹ, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	8088199	799	371	2477	24/4/2024	11.000		11.000	4.968	4.968		4.968	2.000	2.000					
9	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 18A cũ đoạn từ cầu Dê Nâu đến ngã tư đường Yên Tử, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1						5.000		5.000	1.500	1.500		1.500	2.500	2.500					
10	Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Tru sở HDND&UBND thành phố Uông Bí	1				3306	14/6/2024	146.975		146.975	61.000	61.000		61.000	3.000	3.000					
11	Tuyến đường giao thông dẫn vào Tru sở Doanh trại Ban chỉ huy quân sự Thành phố	1						13.000		13.000	2.000	2.000		2.000	5.000	5.000			1.000		
12	Cải tạo trường Trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ, thành phố Uông Bí	1						10.100		10.100	9.000	9.000		9.000	1.000	1.000					
13	Chỉnh trang đường giao thông phía Nam hồ Công Viên đoạn từ phố Thanh Sơn đến phố Xuân Diệu, thành phố Uông Bí	1						13.500		13.500	3.000	3.000		3.000	4.000	4.000			4.000		
14	Chỉnh trang đường Yên Trung đoạn từ quốc lộ 18 đến công ty Kho vận Đá Bạc VINACOMIN	1						25.000		25.000					10.000	10.000					
15	Đầu nối từ đường Trần Hưng Đạo đến nút giao đường ven sông tại phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1						20.000		20.000					11.000	6.000			5.000		

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn				Lấy kế thực hiện đến 31/12/2024				Dự kiến Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025				Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	NS Tỉnh	NS Thành phố	Giá trị khối lượng	Tổng số	NS Tỉnh	NS Thành phố	Tổng số	Tiền sử dụng đất	Phi Yên Tử	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18		
16	Sửa chữa, cải tạo trung tâm tổ chức hội nghị thành phố Uông Bí	1						14.950		14.950					8.000	8.000					
17	Lắp đặt Biển chỉ dẫn và quảng bá khu di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Yên Tử tại phường Phương Đông, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1					3.570	3.570		3.570					2.000		2.000				
II	Hỗ trợ UBND các xã, phường thực hiện	13					32.479				16.800	16.800	0	0	10.000	10.000				PBS	
III	Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố	1					416.970	416.970	416.970		382.990	382.990	382.990								
I	Bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn I)	1	7918346	799	292	2305T	14/7/2021	416.970	416.970		382.990	382.990	382.990								
D	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG NĂM 2025	4					370.894	370.894		370.894					59.000	23.000	21.000	15.000			
1	Công đường Yên Tử phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1					25.000	25.000		25.000					14.000		14.000				
2	Lắp dựng khung chữ "Yên Tử" tại phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1					2.500	2.500		2.500					2.000		2.000				
3	Cải tạo, nâng cấp Đập tràn cầu Sông Sinh 1 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1					58.000	58.000		58.000					15.000			15.000			
4	Đầu tư xây dựng đường QH11 phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (đoạn nối đường Yên Trung - đường Yên Tử)	1					285.394	285.394		285.394					28.000	23.000	5.000				
E	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ, NHIỆM VỤ QUY HOẠCH														4.000	4.000					

DANH MỤC CÔNG TRÌNH HỖ TRỢ UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ CỬ TRI THỰC HIỆN ĐẾN 31/12/2024

(Kèm theo Tờ trình số 411/TTr-UBND ngày 08/3/2024 của UBND thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Quyết định phê duyệt						Kế hoạch vốn năm 2024 sau bổ sung	Ước thực hiện Kế hoạch vốn năm 2024 đến 31/12/2024	Ghi chú
			Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG	32						55.231	28.950	28.950	
	UBND phường Quang Trung	3						11.516	4.000	4.000	
1	Xây dựng Nhà văn hóa khu 2, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7171176	760	161			2.817	1.500	1.500	
2	Xây dựng Nhà văn hóa khu 6, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7171176	760	161			2.819	2.000	2.000	
3	Xây dựng Nhà văn hóa khu 11, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7171176	760	161			5.880	500	500	
	UBND phường Thanh Sơn	1						5.100	3.500	3.500	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	7171179	760	161			5.100	3.500	3.500	
	UBND phường Yên Thanh	2						4.600	2.700	2.700	
1	Sửa chữa Nhà làm việc, Hội trường và các hạng mục phụ trợ Trụ sở UBND phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	7171182	760	341	117 Phường	21/5/2024	2.800	1.500	1.500	
2	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	7171182	760	161			1.800	1.200	1.200	
	UBND phường Phương Đông	2						2.650	1.400	1.400	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	7171188	760	161	117 Phường	21/5/2024	1.350	600	600	
2	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hội trường UBND phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	7171188	760	341			1.300	800	800	
	UBND phường Phương Nam	2						1.925	1.250	1.250	
1	Lắp đặt màn hình Led tại hội trường UBND phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7171190	760	341	182 Phường	14/5/2024	800	550	550	
2	Sửa chữa một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7171190	760	161			1.125	700	700	
	UBND phường Trung Vương	9						15.232	8.200	8.200	
1	Mở rộng, nâng cấp, cải tạo tuyến kênh mương nội đồng đoạn từ nhà ông Tài đến hết Cổng Baza khu Đền Công 2, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	283	34 Phường	24/01/2024	2.766	1.400	1.400	
2	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 2 khu 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	33 Phường	22/01/2024	1.971	1.000	1.000	
3	Sửa chữa cải tạo tuyến phố Cổ Linh đến đường Đền Công khu Đền Công 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	36 Phường	24/01/2024	2.195	1.100	1.100	
4	Đường bê tông, rãnh thoát nước ngõ 14, tổ 41, khu 7, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	33A Phường	22/01/2024	561	300	300	
5	Sửa chữa Trụ sở HĐND&UBND phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	341	110 Phường	21/5/2024	1.100	600	600	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kế hoạch vốn năm 2024 sau bổ sung	Ước thực hiện Kế hoạch vốn năm 2024 đến 31/12/2024	Ghi chú
						Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư				
A	B	C	I	3	5	6	7	8	9		
6	Xây dựng rãnh thoát nước từ nhà văn hóa khu Đền Công 2 đến Cổng Baza, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	312	328 Phường	31/12/2023	1.128	650	650	
7	Đường bê tông, rãnh thoát nước từ trạm y tế đến đầu nối đường Cổ Linh Khu Đền Công 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	33B Phường	22/01/2024	1.099	550	550	
8	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường, vỉa hè từ nhà ông Năng đến Trạm bơm nước khu Đền Công 1, phường Trung Vương	1	7171335	760	292	327 Phường	31/12/2023	1.120	600	600	
9	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	161			3.291	2.000	2.000	
	UBND phường Nam Khê	1						850	600	600	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	7171185	760	161			850	600	600	
	UBND phường Bắc Sơn	1						2.000	1.500	1.500	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	7171167	760	161			2.000	1.500	1.500	
	UBND phường Vàng Danh	10						8.561	4.800	4.800	
1	Lắp đặt màn hình led và sửa chữa hội trường, cải tạo khuôn viên trụ sở UBND phường Vàng Danh	1	7171160	760	341	162 Phường	26/4/2024	1.391	700	700	
2	Điện chiếu sáng tuyến đường từ Đập tràn Miếu Thần đến khu Tái định cư Máng Lao, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	154 Phường	26/4/2024	547	350	350	
3	Nạo vét, cải tạo rãnh thoát nước qua trường tiểu học Trần Phú và trường THPT Hoàng Văn Thụ, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	160 Phường	26/4/2024	516	250	250	
4	Kè chống sạt lở phía sau Nhà văn hoá khu 1, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	158 Phường	26/4/2024	895	450	450	
5	Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 2, khu 8, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	156 Phường	26/4/2024	743	400	400	
6	Điện chiếu sáng đường dân sinh khu 1 đoạn từ đường tàu cut đến cầu Lán Tháp, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	157 Phường	26/4/2024	843	450	450	
7	Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 5a, khu 5b, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	155 Phường	26/4/2024	295	200	200	
8	Điện chiếu sáng tuyến đường dân sinh tổ 1, khu 3, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	159 Phường	26/4/2024	231	200	200	
9	Cải tạo, nâng cấp đường dân sinh, rãnh thoát nước tổ 1, khu 5A, phường Vàng Danh	1	7171160	760	292	161 Phường	26/4/2024	1.750	900	900	
10	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	7171160	760	161			1.350	900	900	
	UBND xã Thượng Yên Công	1						2.797	1.000	1.000	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	7171194	760	161			2.797	1.000	1.000	

DANH MỤC CÔNG TRÌNH HỖ TRỢ UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ CỬ TRI LOẠI KHỎI KẾ HOẠCH 2025

(Kèm theo Tờ trình số 411/TT-UBND ngày 08/7/2024 của UBND thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án			Quyết định phê duyệt			Kế hoạch vốn năm 2024 (Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD)	Ước thực hiện Kế hoạch vốn năm 2024 đến 31/12/2024	Ghi chú
			1	2	3	Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG	19						22.752	12.150	12.150	
	UBND phường Yên Thanh	1						2.800	1.500	1.500	
1	Sửa chữa Nhà làm việc, Hội trường và các hạng mục phụ trợ Trụ sở UBND phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	7171182	760	341	117 Phường	21/5/2024	2.800	1.500	1.500	
	UBND phường Phương Nam	1						800	550	550	
1	Lắp đặt màn hình Led tại hội trường UBND phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7171190	760	341	182 Phường	14/5/2024	800	550	550	
	UBND phường Trung Vương	8						11.941	6.200	6.200	
1	Mở rộng, nâng cấp, cải tạo tuyến kênh mương nội đồng đoạn từ nhà ông Tài đến hết Công Baza khu Đền Công 2, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	283	34 Phường	24/01/2024	2.766	1.400	1.400	
2	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 2 khu 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	33 Phường	22/01/2024	1.971	1.000	1.000	
3	Sửa chữa cải tạo tuyến phố Cổ Linh đến đường Đền Công khu Đền Công 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	36 Phường	24/01/2024	2.195	1.100	1.100	
4	Đường bê tông, rãnh thoát nước ngõ 14, tổ 41, khu 7, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	33A Phường	22/01/2024	561	300	300	
5	Sửa chữa Trụ sở HĐND&UBND phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	341	110 Phường	21/5/2024	1.100	600	600	
6	Xây dựng rãnh thoát nước từ nhà văn hóa khu Đền Công 2 đến Công Baza, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	312	328 Phường	31/12/2023	1.128	650	650	
7	Đường bê tông, rãnh thoát nước từ trạm y tế đến đầu nối đường Cổ Linh Khu Đền Công 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	33B Phường	22/01/2024	1.099	550	550	
8	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường, vỉa hè từ nhà ông Năng đến Trạm bơm nước khu Đền Công 1, phường Trung Vương	1	7171335	760	292	327 Phường	31/12/2023	1.120	600	600	
	UBND phường Vàng Danh	9						7.211	3.900	3.900	
1	Lắp đặt màn hình led và sửa chữa hội trường, cải tạo khuôn viên trụ sở UBND phường Vàng Danh	1	7171160	760	341	162 Phường	26/4/2024	1.391	700	700	
2	Điện chiếu sáng tuyến đường từ Đập tràn Miêu Thán đến khu Tái định cư Máng Lao, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	154 Phường	26/4/2024	547	350	350	
3	Nạo vét, cải tạo rãnh thoát nước qua trường tiểu học Trần Phú và trường THPT Hoàng Văn Thụ, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	160 Phường	26/4/2024	516	250	250	
4	Kè chống sạt lở phía sau Nhà văn hoá khu 1, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	158 Phường	26/4/2024	895	450	450	
5	Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 2, khu 8, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	156 Phường	26/4/2024	743	400	400	
6	Điện chiếu sáng đường dân sinh khu 1 đoạn từ đường tàu cắt đến cầu Lán Tháp, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	157 Phường	26/4/2024	843	450	450	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án			Quyết định phê duyệt			Kế hoạch vốn năm 2024 (Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD)	Ước thực hiện Kế hoạch vốn năm 2024 đến 31/12/2024	Ghi chú
			Mã	Mã	Mã	Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
7	Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 5a, khu 5b, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	155 Phường	26/4/2024	295	200	200	
8	Điện chiếu sáng tuyến đường dân sinh tổ 1, khu 3, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	159 Phường	26/4/2024	231	200	200	
9	Cải tạo, nâng cấp đường dân sinh, rãnh thoát nước tổ 1, khu 5A, phường Vàng Danh	1	7171160	760	292	161 Phường	26/4/2024	1.750	900	900	

DANH MỤC CÔNG TRÌNH HỖ TRỢ UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ CỬ TRI

(Kèm theo Tờ trình số 411/TTr-UBND ngày 08/7/2024 của UBND thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Quyết định phê duyệt					Lũy kế thực hiện đến 31/12/2024	Dự kiến Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025 (Tiền sử dụng đất)	Ghi chú	
			Mã dự án	Mã chương trình	Mã ngành	Số QĐ	Ngày tháng năm				Tổng mức đầu tư
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG	13						32.479	16.800	10.000	
	UBND phường Quang Trung	3						11.516	4.000	5.000	
1	Xây dựng Nhà văn hóa khu 2, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7171176	760	161			2.817	1.500	1.000	
2	Xây dựng Nhà văn hóa khu 6, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7171176	760	161			2.819	2.000	500	
3	Xây dựng Nhà văn hóa khu 11, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7171176	760	161			5.880	500	3.500	
	UBND phường Thanh Sơn	1						5.100	3.500	1.000	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	7171179	760	161			5.100	3.500	1.000	
	UBND phường Yên Thanh	1						1.800	1.200	500	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	7171182	760	161			1.800	1.200	500	
	UBND phường Phương Đông	2						2.650	1.400	700	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	7171188	760	161			1.350	600	500	
2	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hội trường UBND phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	7171188	760	341			1.300	800	200	
	UBND phường Phương Nam	1						1.125	700	200	
1	Sửa chữa một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7171190	760	161			1.125	700	200	
	UBND phường Trung Vương	1						3.291	2.000	1.000	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	161			3.291	2.000	1.000	
	UBND phường Nam Khê	1						850	600	200	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	7171185	760	161			850	600	200	
	UBND phường Bắc Sơn	1						2.000	1.500	200	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	7171167	760	161			2.000	1.500	200	
	UBND phường Vàng Danh	1						1.350	900	200	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	7171160	760	161			1.350	900	200	
	UBND xã Thượng Yên Công	1						2.797	1.000	1.000	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	7171194	760	161			2.797	1.000	1.000	